

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và
mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Phòng, chống thiên tai, Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *H*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Tổng cục PCTT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đài PT&TH ST, Báo ST;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT. *VTM* (8b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong nước và nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Chương II NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 3. Nguồn tài chính Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Điều 4. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

1. Chi phí hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: Các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện theo phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sau đó, tổng hợp, thống kê chi phí thực tế, báo cáo cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Hỗ trợ lực lượng huy động tham gia ứng phó thiên tai

a) Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở 01 người/ngày, nếu làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau được tính gấp đôi. Chi hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được cấp huy động bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về theo quy định chế độ công tác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, được hỗ trợ tiền ăn với mức chi theo dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 01 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ đối với các đối tượng do sơ tán dân ra khỏi nơi nguy hiểm và không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng do thiên tai cần hỗ trợ khắc phục hậu quả.

2. Cứu trợ khẩn cấp về thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi theo dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hỗ trợ tu sửa nhà ở của dân bị hư hỏng do thiên tai

a) Hỗ trợ chi phí làm nhà ở của người dân bị sập, trôi, hư hỏng nặng do thiên tai mà không còn nơi ở: 40.000.000 đồng/hộ.

b) Hỗ trợ chi phí di dời nhà ở đối với hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai: 30.000.000 đồng/hộ.

c) Hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở của dân bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được: 20.000.000 đồng/hộ.

4. Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Hỗ trợ 10.000.000 đồng/xã; mức chi theo dự toán cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt lở: Mức chi căn cứ theo dự toán kinh phí trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: Cơ sở y tế, trường học; tu sửa nhà kết hợp làm điểm sơ tán phòng, tránh thiên tai; hỗ trợ tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp các công trình phòng, chống thiên tai. Tổng mức chi 03 tỷ đồng/01 công trình.

Điều 6. Chi hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai

1. Hỗ trợ đối với cây trồng

a) Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha.

d) Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích bắp và rau màu các loại bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

e) Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

2. Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản

a) Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 4.100.000 - 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 2.000.000 - 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.100.000 - 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 3.000.000 - 7.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 6.100.000 - 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 4.000.000 - 6.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 20.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 40.500.000 - 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 20.000.000 - 40.000.000 đồng/ha.

e) Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 20.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng/ha.

g) Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 7.100.000 - 10.000.000 đồng/100 m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 3.000.000 - 7.000.000 đồng/100 m³ lồng.

h) Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 20.500.000 - 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng/ha.

i) Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ từ 4.100.000 - 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ từ 2.000.000 - 4.000.000 đồng/ha.

4. Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm

a) Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 - 20.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 21.000 - 35.000 đồng/con.

b) Heo đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 300.000 - 400.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 450.000 - 1.000.000 đồng/con; heo nái và heo đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con.

c) Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.000.000 - 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.100.000 - 10.000.000 đồng/con.

d) Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 500.000 - 2.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.100.000 - 6.000.000 đồng/con.

đ) Cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 - 2.500.000 đồng/con.

5. Hỗ trợ đối với sản xuất muối: Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 7. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai

1. Hỗ trợ công tác thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; phổ biến, tuyên truyền, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích, tình nguyện viên tham gia phòng, chống thiên tai cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Mục 7 Chương 2 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020.

6. Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hỗ trợ trang bị các phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Căn cứ vào nhu cầu thực tế cần thiết về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, các địa phương thống kê nhu cầu, báo cáo Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, lập kế hoạch, dự toán kinh phí mua sắm, trang bị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện mua sắm, trang bị theo quy định.

Chương III

PHÂN BỐ SỬ DỤNG QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẤP HUYỆN, XÃ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân bổ sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã: 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ trên địa bàn còn lại là 72% nộp vào tài khoản Quỹ cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền thu Quỹ còn lại trên địa bàn là 77% nộp vào tài khoản Quỹ cấp tỉnh.

c) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm về các khoản chi từ Quỹ được phân bổ và báo cáo về cơ quan quản lý Quỹ để theo dõi, quản lý.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai Quyết định này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.